**HỢP ĐỒNG**

CUNG CẤP DỊCH VỤ

TƯ VẤN GIAO DỊCH HỢP NHẤT & SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

M&A ASSISTANCE AGREEMENT

*Hợp đồng số: ………………………/201…/VCBS-TVTCDN*

*Agreement No: ………………………/201…/VCBS-TVTCDN*

Giữa/ Between

**BÊN A**

Và/ And

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**VIETCOMBANK SECURITIES COMPANY LIMITED**

**Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn giao dịch hợp nhất & sáp nhập doanh nghiệp** này (sau đây gọi tắt là **“Hợp đồng”**) được lập theo ngày ghi tại trang có chữ ký của các bên, giữa các bên gồm:

This stock purchase assistance agreement (hereinafter referred to as “**Agreement**”) is entered into the date set forth on the signature page by and between:

1. **BÊN A**

|  |  |
| --- | --- |
| Địa chỉ/Address : | {DIA\_CHI\_KH} |
| Điện thoại/Tel: | {SDT\_KH} |
| Fax: |  |
| Mã số thuế/ Tax code: | {THUE} |
| Tài khoản số / Bank account: | {TKNH\_KH} |
| Mở tại/ Name of Bank: |  |
| Đại diện bởi/ Represented by: | {DD\_KH} |
| Chức vụ/ Title: | {CHUCVU\_KH} |

|  |  |
| --- | --- |
| (Sau đây gọi tắt là “**Bên A”)/ (**Hereinafter referred to as **“Party A”)** | |
| 1. **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM/ VIETCOMBANK SECURITIES COMPANY LIMITED (VCBS)** | |
| Địa chỉ/ Address: | Tầng 12 & 17, tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội/ 12th - 17th Floor, Vietcombank Tower, 198 Tran Quang Khai, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam |
| Điện thoại/Tel | (84) 4 39366990 |
| Fax: | (84) 4 39360262 |
| Giấy phép HĐKD/ Business license: | Số 09/UBCK-GPHĐKD do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/04/2002 và các sửa đổi/ No 09 UBCK-GPHĐKD issued by State Security Commission of Vietnam on 24 April 2002 and amendments |
| Mã số thuế/ Tax code: | 0101248046 |
| Tài khoản số/ Bank account: | 0681000007952 |
| Mở tại/ Name of Bank: | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính/ Vietcombank – Headquarter |
| Đại diện bởi/ Represented by : | Ông/ Mr.**Lê Mạnh Hùng** |
| Chức vụ/ Title: | Giám đốc/ Director |
| (Sau đây gọi tắt là “**Bên B”**)/ (Hereinafter referred to as “**Party B”)** | |

**Xét rằng:**

**Recital:**

* Bên A và/hoặc công ty con, công ty liên kết của Bên A có nhu cầu mua cổ phần của các cổ đông hiện hữu (sau đây gọi tắt là **“Bên Bán”**) tại một công ty đại chúng (**“Công Ty Mục Tiêu”**) đã niêm yết trên […] thông qua phương thức thỏa thuận trực tiếp với các cổ đông này (**“Giao dịch**”) và mong muốn sử dụng dịch vụ tư vấn hỗ trợ cho giao dịch này của Bên B;

Party A and/or its subsidiaries and affiliates wish to purchase shares of a public company (**“Target Company”**) in Vietnam that is currently listed on […] from existing shareholders (**“Seller”**), by direct agreement with these shareholders (**“Transaction”**) and desire to use assistance provided by Party B for this Transaction.

* Bên B là công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đủ điều kiện và mong muốn cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ giao dịch mua cổ phần nêu trên cho Bên A.

Party B is a securities company established in Vietnam and operating according to Vietnam law with requisite expertise and willing to provide such service for Party A.

**Do đó, hai Bên thoả thuận cùng nhau ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:**

In consideration of the foregoing and the mutual promises and covenants contained in this Agreement, Party A and Party B agree to the following**:**

**Điều 1: Thuật ngữ và nguyên tắc giải thích**

**Article 1: Terminology and Principle**

### Giải thích thuật ngữ/ Terminology explanation

Các từ/cụm từ được sử dụng trong Hợp đồng này có ý nghĩa là:

Words/ Phrases of words used in this Agreement mean as follows:

***Bất khả kháng/ Unforeseen events****:* Là các sự kiện xảy ra một cách khách quan ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép), bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: thiên tai, hoả hoạn, chiến tranh, thay đổi pháp luật.../ The unforeseen events occur beyond control of the Parties (unpredictable and unrepairable despite using all possible and necessary solutions) included but not limited to the following events: natural disaster, fire, war, changes of law...

***Bên Bán/ Seller:*** Là một hoặc các cổ đông hiện hữu của Công Ty Mục Tiêu, có nhu cầu và đồng ý bán Cổ phiếu Công Ty Mục Tiêu cho Bên A theo Thỏa thuận mua bán cổ phiếu sẽ được ký với Bên A (và/hoặc các công ty con, công ty liên kết của Bên A)/ Is one or a group of Target Company’s existing shareholder(s) who desire(s) to sell Target Company’s stock to Party A in accordance with a share purchase agreement which will be concluded between Party A (and/or its subsidiaries and affiliates) and Seller (SPA).

***Bên thứ ba/ Third Party:*** Là các bên khác ngoài các bên được nêu trong Hợp đồng này/ Other than the mentioned Parties in this Agreement.

***Các Bên hoặc Hai Bên/ The Parties or both Parties*:** Là BÊN A (Bên A) và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Bên B) tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này/ BÊN A (Party A) and Vietcombank Securities Company Limited (Party B) who jointly sign and execute this Agreement.

***Cổ phiếu Công Ty Mục Tiêu/ Target Company’s stock:*** Là cổ phiếu Công ty {CT\_KH}/ Is stock of […].

***Công Ty Mục Tiêu/ Target Company:*** Là Công ty {CT\_KH}/ Is […]

***Hoàn thành Hợp đồng/ Completion (closeout) of Agreement:*** Là thời điểm Bên B hoàn thành Nội dung công việc quy định tại Hợp đồng này hoặc theo thỏa thuận giữa hai Bên và Bên B đã nhận được toàn bộ Phí dịch vụ tương ứng/ The completion of Scope of work in accordance with this Agreement or as mutually agreed by both Parties and Party B receives corresponding Service fee paid in full.

***Hợp đồng/ Agreement*:** Là Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng này nếu có/  
This Agreement along with appendices and amendments (if any)

***Ngày làm việc/ Working day:*** Là bất kỳ ngày nào trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định pháp luật tại Việt Nam/ Is any day except for Saturday, Sunday and holiday according to Vietnam law.

***Nhân sự / Personnel:*** Bao gồm nhưng không hạn chế: Ban Giám đốc/ Giám đốc, nhân sự các phòng/ban, đơn vị trực thuộc của Các Bên/ Included but not limited to: Management Board/ Director, personnel from departments/units directly under the Parties.

***Đại diện được ủy quyền/ Authorized Personnel*:** Các đại diện được đăng ký trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này hoặc theo văn bản ủy quyền từ Đại diện theo pháp luật của các Bên/ Personnel registered in Annex 1 of this Agreement or authorized by Power of Attorney from the Legal Represenative of the Parties.

***Phí dịch vụ/ Service fee*:** Là khoản tiền mà Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B để Bên B thực hiện các công việc theo quy định tại Hợp đồng này/ The amount of money Party A is obligated to pay to Party B in order for Party B to execute tasks according to the terms and conditions in this Agreement

***SSC:*** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission of Vietnam

***HSX***: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ Hochiminh Stock Exchange.

***VSD:*** Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository.

***VCB:*** Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam

***Thông tin:*** Bao gồm/ ***Information:*** Including

* Danh mục tài liệu Bên B đề nghị và được Bên A cung cấp;
* Document written list requested by Party B and provided by Party A;
* Bất kỳ thông tin, tài liệu nào khác mà Bên B cần có để thực hiện các dịch vụ nêu tại Hợp đồng này;
* Any other information and documents requested by Party B to execute the services mentioned in this Agreement;
* Bất kỳ tài liệu, báo cáo, giải trình bổ sung, các thư từ trao đổi nào mà Bên A gửi cho Bên B dưới bất kỳ hình thức nào theo thỏa thuận trong quá trình thực hiện các dịch vụ nêu tại Hợp đồng này;
* Any documents, reports, additional explanation, discussions, or mail that Party A sends to Party B under any agreed-upon format during the execution process of the services mentioned in this Agreement;
* Bất kỳ thông tin nào mà nhân sự Bên A trả lời cho phỏng vấn của Bên B; và
* Any information that Party B obtains from interviews with Party A’s Personnel; and
* Bất kỳ hình ảnh, tài liệu nào thể hiện hiện trạng Công Ty Mục Tiêu mà Bên B được chứng kiến khi đi khảo sát thực tế.
* Any images or documents related to Target Company that are recorded or observed by Party B during site visits.

### Nguyên tắc giải thích/Explanation principle

* Nghĩa của các thuật ngữ định nghĩa tại Khoản 1 điều này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
* The meaning of terminology in Clause 1 of this Article applies for singular and plural forms of that terminology. Except for specifically mentioned circumstances, singular words denote the same meaning as the plural ones and vice versa.
* Nếu có sự mâu thuẫn giữa nội dung của một điều khoản cụ thể và đề mục của điều khoản đó thì sẽ áp dụng theo nội dung của điều khoản để giải quyết các vấn đề được đặt ra trong phạm vi điều khoản đó. Các tiêu đề chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc tra cứu và không làm ảnh hưởng đến cách giải thích các điều, mục hoặc đoạn liên quan của Hợp đồng.
* Should any conflict arises between the content of a specific article and its title then the article content shall prevail to solve the issues mentioned in that article scope. Titles are aimed to facilitate the reference without affecting the explanation principle of relevant articles, items or paragraphs of the Agreement.
* Các dẫn chiếu trong Hợp đồng này tới các Phụ lục, Điều, Khoản, Mục và Đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, điều, mục và đoạn của Hợp đồng này.
* References in this Agreement to its Appendix, Articles, Clause, Items and Paragraphs, except otherwise mentioned, are appendices, articles, items and paragraphs of this Agreement.
* Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này”, và “theo Hợp đồng này” và các từ tương tự khi được sử dụng trong Hợp đồng này sẽ đề cập tới toàn bộ Hợp đồng và không phải đề cập tới bất kỳ điều khoản cụ thể nào.
* Phrases “of this Agreement”, “in this Agreement”, “according to this Agreement” and the similar phrases used in this Agreement will refer to the whole Agreement, not to any specific article.

**Điều 2. Phạm vi và Thời hạn Hợp đồng**

**Article 2. Engagement**

1. Theo Hợp đồng này, Bên A đề nghị và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ tư vấn, hỗ trợ Bên A thực hiện các công việc và các thủ tục cần thiết nêu tại Điều 3 dưới đây để trợ giúp Bên A hoàn tất giao dịch mua cổ phiếu Công Ty Mục Tiêu tại Sở Giao dịch Chứng khoán […] trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật.

Pursuant to the provisions of this Agreement, Party A hereby appoints and Party B agrees to provide advisory service and assist Party A performing necessary tasks and procedures as specifically mentioned in Article 3 so as to complete Party A’s stock purchase transaction of Target Company at Hochiminh Stock Exchange (HSX) compliant with relevant legal regulations.

1. Hợp đồng này có thời hạn […]. Hai Bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng bằng các Phụ lục Hợp đồng.

The term of this agreement is […]. Both Parties may agree to extend the term of this Agreement via Annexes.

**Điều 3. Nội dung công việc**

**Article 3. Scope of work**

1. Theo Hợp đồng này, Bên B sẽ thực hiện các công việc sau cho Bên A và/hoặc các công ty con, công ty liên kết của Bên A:

Pursuant to this Agreement, Party B shall perform the following tasks for Party A and/or its subsidiaries and affiliates:

* 1. Dịch vụ liên quan đến thủ tục đầu tư gián tiếp nước ngoài (trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài)

Indirect Investment and Transaction Advisory Service (applicable for foreign organization investors)

Hướng dẫn Bên A về thủ tục đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam và hỗ trợ Bên A thực hiện các công việc cần thiết để Bên A có thể tham gia hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam, bao gồm:

Provide Party A with guidelines on Foreign indirect investment activities in Vietnam and execute necessary procedures for Party A to conduct Foreign indirect investment activities in Vietnam, including:

* + 1. Tư vấn Bên A chuẩn bị hồ sơ đăng ký mã số giao dịch (MSGD) do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp cho nhà đầu tư nước ngoài, hỗ trợ Bên A hoàn thiện các thủ tục xin cấp MSGD và chịu trách nhiệm thông báo cho Bên A về kết quả đăng ký;

Provide consultancy on application for Securities Trading Code (STC) for foreign investors from Vietnam Securities Depository (VSD), support Sojitz to apply for STC and be responsible for informing Sojitz of the result;

* + 1. Tư vấn Bên A về việc sử dụng Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (TKVĐTGT) và hỗ trợ Bên A mở TKVĐTGT tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);

Provide consultancy on using Foreign Indirect Investment Account (FIIA) and support Sojitz to open FIIA at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank);

* + 1. Tư vấn Bên A về việc sử dụng Tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán (TKGDLKCK) và hỗ trợ Bên A mở TKGDLKCK tại Bên B;

Provide consultancy on using Securities Trading and Custodian Account (STCA) and support Sojitz to open STCA at Party B;

* + 1. Hỗ trợ Bên A và chịu mọi chi phí phát sinh trong việc dịch và hợp pháp hóa lãnh sự các tài liệu (nếu áp dụng) để hoàn thiện các công việc nêu trên.

SupporeenParty A and bear all fees incurred to translate and notarize all documents (if applicable) to complete the work mentioned above.

* 1. Dịch vụ liên quan đến tài khoản phong tỏa (nếu áp dụng)

Escrow Account Advisory Services (if applicable)

Hướng dẫn và thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc mở và sử dụng Tài khoản ký quỹ tại Vietcombank cho Bên A, bao gồm:

Provide consultancy and execute necessary procedures for Party A to open and use escrow account at Vietcombank, including:

* + 1. Mở một tài khoản phong tỏa tại Vietcombank;

Opening an Escrow Account at Vietcombank;

* + 1. Rà soát và tư vấn các điều khoản trong Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nhằm phù hợp với việc sử dụng tài khoản phong tỏa;

Reviewing and assisting in the construction of Share Purchase Agreement (SPA) to ensure sufficient terms and conditions for the use of Escrow Account;

* + 1. Rà soát và tư vấn các điều khoản của Thỏa thuận sử dụng tài khoản phong tỏa giữa Bên A và Bên Bán;

Reviewing and assisting in the construction of Escrow Account Agreement between Party A and the Seller;

* + 1. Hỗ trợ Bên A soạn thảo Thư đề nghị phong tỏa để gửi Vietcombank.

Assisting in the constructon of Escrow Account Letter from Party A to VCB.

* 1. Dịch vụ liên quan đến các nội dung công việc trước giao dịch

Assistance in preparation for the Transaction

* + 1. Hỗ trợ Bên A tuân thủ các quy định pháp luật bằng việc tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến giao dịch mà theo yêu cầu của Bên A bao gồm nhưng không giới hạn bởi tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, việc tiếp cận thông tin nội bộ của doanh nghiệp. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị bằng văn bản của Bên A, Bên B sẽ hỗ trợ Bên A trong việc liên lạc và trao đổi thông tin với cơ quan có thẩm quyền để xin ý kiến, hướng dẫn.

Assist Party A in compliance with local laws by providing advisory on regulation issues that is releavant to the Transaction raised by Party A including but not limited to foreign ownership limit for listed company, requirements in a conditional business, insider trading prohibition. If necessary, upon Party A’s assignment in written, Party B can assist Party A in communication and corporation with appropriate governmental authorities to collect information, opinions and guidance.

* + 1. Rà soát Điều lệ và Giấy phép kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và/hoặc giấy tờ pháp lý khác của Công ty mục tiêu nhằm tìm ra những rào cản có thể phát sinh đối với Giao dịch (nếu có) và tư vấn phương thức giải quyết những rào cản đó (nếu có thể).

Examine the Charter and Business Registration Certificate and/or other legal documents of the Target Company to recognize probable barriers for the Transaction (if any) and advise solutions (if possible).

* + 1. Tham gia các cuộc gặp gỡ, buổi thảo luận giữa Bên A và Bên Bán và/hoặc Công ty mục tiêu (nếu được Bên A yêu cầu) để nắm bắt tình hình thảo luận giữa các Bên và tiến độ thực hiện giao dịch.

Attend meetings, discussion between Party A and the Seller and/or the Target Company (if requested by Party A) to keep track of the discussion between Parties and the progress of the Transaction.

* + 1. Hỗ trợ Bên A thực hiện điều nghiên Công ty mục tiêu, bao gồm:

Provide support to due dilligence process, including:

* + - 1. Xây dựng và cung cấp cho Bên A một báo cáo phân tích về Công ty mục tiêu. Báo cáo sẽ cung cấp thông tin một cách khách quan về Công ty mục tiêu (có thể bao gồm (tùy vào khả năng thu thập thông tin của Bên B) nhưng không giới hạn bởi: thị phần của Công ty mục tiêu, khả năng cạnh tranh, sản lượng sản xuất, phân tích tình hình tài chính, lợi ích cộng hưởng tiềm năng sau giao dịch, kế hoạch kinh doanh của Công ty mục tiêu,… và so sánh với các công ty cùng ngành).

Prepare and provide a research report on the Target Company to Party A. The report will provide an objective opinion on the position of Target Company in the industry (the report may include (depending on Party B’s ability to collect information) but not limitted to: the Target Company’s market share, competitiveness, productivity, financial analysis, potential synergies as a consequence of the Transaction, the Target Company’s business plan, etc. with comparation to its competitors).

* + - 1. Xác định giá trị Công ty mục tiêu sử dụng phương pháp hợp lý tùy thuộc vào thông tin Party B có thể thu thập.

Making valuation of the Target Company using appropriate methodologies depending on the information Party B could obtain.

* + 1. Tư vấn Bên A về cấu trúc giao dịch (nếu áp dụng):

Provide advisory to Party A on Transaction structure:

* + - 1. Trong trường hợp Bên A có thể thương thảo với Bên Bán về cấu trúc giao dịch, tư vấn cấu trúc giao dịch phù hợp và có lợi cho Bên A (ví dụ, cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi hoặc đồng thời cả cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi; đối với trái phiếu chuyển đổi: tư vấn các điều khoản và điều kiện trái phiếu như kỳ hạn trái phiếu, lãi suất coupon, tỷ lệ chuyển đổi, v.v…).

In case Transaction structure is still open to discussion between Party A and the Seller, advise Party A on a Transaction structure (i.e., shares or convertible bond or a combination of both; for convertible bond: advise the terms and conditions of the convertible bond such as maturity, coupon rate, conversion price, etc.) that is favourable to Party A.

* + - 1. Hỗ trợ Bên A trong việc đàm phán với Bên Bán. Với kinh nghiệm đàm phán, hiểu biết trong lĩnh vực tài chính cũng như về thị trường địa phương, Bên B có thể làm cầu nối nhằm thu hẹp khoảng cách giữa Bên A và Bên Bán, giúp hai Bên có thể đạt được một thỏa thuận chung phù hợp và có lợi nhất cho cả hai Bên.

Support Party A in negotiation with the Seller. With our negotiation experiences as well as knowledge in financial industry in particular and the local market in general, Party B could act as the intermediary to bridge the gap of expectation between Party A and the Seller so that both Parties can reach an agreement that is most suitable and profitable for both sides.

* + 1. Trong trường hợp việc lựa chọn đối tác nhận chuyển nhượng của Bên Bán được thực hiện thông qua phương thức đấu giá/ chào bán cạnh tranh:

In case the Seller chooses to sell their shares via bidding/ competitive offering method:

* + - 1. Hỗ trợ Bên A trong việc xác định giá tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh dựa trên việc cung cấp các thông tin bổ trợ hữu ích trong phạBeeni Bên B có thể thu thập bên cạnh kết quả điều nghiên doanh nghiệp;

Support Party A in determination of bidding price by providing value information besides the due delligence result that Party B could obtain within Party B’s capability.

* + - 1. Rà soát Quy chế đấu giá/chào bán cạnh tranh và thông báo cho Bên A để đảm bảo Bên A nắm được đầy đủ thông tin về điệu kiện tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh, thủ tục, thời hạn và các quy định liên quan khác đến cuộc đấu giá/chào bán cạnh tranh.

Examine the Regulation for Bidding and inform Party A to ensure all the conditions, procedures, timetable and other relevant regulations relating to the bidding are fully and well aware by Party A.

* 1. Dịch vụ liên quan đến việc tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh (nếu áp dụng)

Assistance in attending the bidding (if applicable)

* + 1. Hỗ trợ Bên A đăng ký tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh, bao gồm:

Assist Party A in registration for the bidding, including:

* + - 1. Hỗ trợ Bên A chuẩn bị Đơn đăng ký tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh;

Support Party A in preparation of the Bidding Registration Form;

* + - 1. Tư vấn danh sách hồ sơ nộp kèm Đơn đăng ký tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh và hỗ trợ Bên A chuẩn bị các tài liệu này (bao gồm chịu chi phí dịch công chứng, sao y bản chính,… các chứng từ pháp lý – nếu có);

Advise on the set of documents required and support Party A in preparation of such documents (including bearing all fees incurred to translate and notarize, etc. all documents – if applicable);

* + - 1. Hỗ trợ Bên A nộp hồ sơ đăng ký tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh (gồm Đơn đăng ký tham dự đấu giá/chào bán cạnh tranh và các giấy tớ liên quan) đến đại lý đấu giá/chào bán cạnh tranh.

Support Party A in submission the Bidding Registration Form and required documents to the appointed Bidding Agent.

* + 1. Tư vấn Bên A nộp tiền đặt cọc/kỹ quỹ/chuẩn bị thư bảo lãnh theo phương thức tương ứng do Bên A lựa chọn và phù hợp với Quy chế đấu giá/chào bán cạnh tranh, bao gồm:

Advise Party A in making payment of Deposit/ preparing Escrow Amount Blockage Notice/ Bid Guarantee upon Party A’s choice and in accordance with the Regulation for Bidding, including:

* + - 1. Tính toán số tiền Bên A phải đặt cọc/kỹ quỹ/chuẩn bị thư bảo lãnh theo phương thức do Bên A lựa chọn và phù hợp với Quy chế đấu giá/chào bán cạnh tranh dựa trên khối lượng cổ phần Bên A đăng ký mua;

Advise the amount of deposit to be paid/escrowed/guaranteed by the Bid Guarantee upon Party A’s choice and in accordance with the Regulation for Bidding based on the volume of shares that Party A would like to acquire;

* + - 1. Hỗ trợ Bên A thực hiện các thủ tục cần thiết để nộp tiền đặt cọc/ký quỹ/chuẩn bị thư bảo lãnh theo phương thức do Bên A lựa chọn và phù hợp với Quy chế đấu giá/chào bán cạnh tranh.

Support Party A to execute necessary procedures to have the deposit paid/escrowed/apply for Bid Guarantee upon Party A’s choice and in accordance with the Regulation for Bidding.

* + 1. Tư vấn Bên A các nội dung cần điền vào Phiếu tham dự đấu giá của Bên A để đảm bảo Bên A đã điền đúng và đủ các thông tin theo yêu cầu và hỗ trợ nộp Phiếu tham dự đấu giá đến đại lý đấu giá đúng thời hạn.

Advise Party A on how to fill in the Bidding form to ensure the Bidding form is prepared in a proper manner and support summitting the Bidding form to the appointed Bidding Agent in time.

* + 1. Thông báo kết quả cho Bên A sau khi phiên đấu giá/chào bán cạnh tranh kết thúc.

Inform the bidding result to Party A after the Bidding session is completed.

* 1. Dịch vụ liên quan đến chuyển quyền sở hữu cổ phần

Assistance in Transaction execution

* + 1. Rà soát các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng mua bán cổ phần và các hồ sơ cần thiết khác (nếu có) phục vụ cho việc giao dịch cổ phiếu;

Review terms and conditions of Share Purchase Agreement and other necessary documents (if any) relating to the Transaction;

* + 1. Hỗ trợ Bên A đàm phán các điều kiện, điều khoản của Hợp đồng mua bán cổ phần (nếu cần thiết);

Support Party A in negotiating terms and conditions of Share Purchase Agreement (if necessary);

* + 1. Trường hợp giao dịch chuyển quyền sở hữu cổ phần được thực hiện ngoài sàn giao dịch chứng khoán, hỗ trợ Bên A:

In case of out of public stock exchange transaction, support Party A:

* + - 1. Rà soát các điều kiện để thực hiện giao dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán để đảm bảo việc thực hiện giao dịch tuân thủ theo các quy định của pháp luật;

Review conditions to perform out of public stock exchange transaction to ensure the Transaction is executed in compliance with the relevant laws and regulations;

* + - 1. Chuẩn bị hồ sơ (bao gồm chịu chi phí dịch công chứng, sao y bản chính … các chứng từ pháp lý – nếu có) để cung cấp cho Bên Bán để Bên Bán nộp hồ sơ xin chấp thuận giao dịch ngoài biên độ đến Ủy ban Chứng khoán nhà nước và hồ sơ chuyển nhượng chứng khoán ngoài sàn tại VSD theo đúng quy định pháp luật (nếu cần). Để tránh hiểu lầm, việc nộp hồ sơ, giải trình, nhận chấp thuận từ SSC và VSD hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Bên Bán.
      2. Prepare the application dossier for out of public stock exchange transaction (including bearing all fees incurred to translate and notarize, etc. all documents – if applicable) for the Seller’s submission to the SSC and the necessary documents to execute the Transaction of of public stock exchange at VSD in accordance with the relevant laws and regulations (if necessary). To avoid any misunderstanding, the submission and clarification of documents to SSC and VSD as well as obtaining approval from such authorities are entirely the responsibility of the Seller.
    1. Hỗ trợ Bên A thực hiện giao dịch cho đến khi cổ phiếu của Công ty mục tiêu được chuyển về tài khoản lưu ký chứng khoán của Bên A mở tại Bên B.

Assist Party A in executing the Transaction until Target Company’s stock is transferred to the Custodian Account of Party A opened at Party B.

* 1. Dịch vụ liên quan đến công bố thông tin

Tư vấn, hỗ trợ Bên A trong quá trình Bên A thực hiện việc công bố thông tin về giao dịch mua bán cổ phần với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và doanh nghiệp (nếu áp dụng) theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Advise Party A on public disclosure procedure of the Transaction with SSC, the Stock Exchange, VSD and Target Company (if applicable) and support Party A to complete the procedure in compliance with current regulations.

1. Đối với các Nội dung công việc nêu trên, Bên B được coi là hoàn thành công việc khi:

For the aforementioned Scope of work, work is considered completed by Party B when:

Bên B gửi cho Bên A các bằng chứng về việc Bên B đã hoàn thành các Nội dung công việc trong Nhóm Dịch vụ này.

Party B sends proof to Party A to prove that Party B has completed the Scope of work in this Service Group.

Hoặc / Or:

* Toàn bộ cổ phiếu của đợt giao dịch được ghi nhận vào tài khoản giao dịch và lưu ký chứng khoán của Bên A tại Bên B; và

All shares of the acquisition are credited to Party A’s securities trading and custodian account at Party B; and

* Toàn bộ tiền mua chứng khoán được chuyển thành công cho Bên Bán thông qua hệ thống ngân hàng hoặc hệ thống thanh toán bù trừ.

All share purchase payments are transferred successfully to the Seller through either the banking system or the central settlement system.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

**Article 4: Rights and obligations of Party A**

1. Yêu cầu Bên B xác nhận tiến độ thực hiện công việc theo từng bước nêu tại Điều 3 của Hợp đồng;

Request Party B to confirm the execution progress according to each task mentioned in Article 3 of this Agreement;

1. Nghiệm thu kết quả, khối lượng công việc đã hoàn thành của Bên B theo từng bước nêu tại Điều 3 của Hợp đồng;

Confirm completed workload done by Party B according to each task in the Scope of work mentioned in Article 3 of this Agreement;

1. Cung cấp cho Bên B đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng theo yêu cầu hợp lý của Bên B;

Provide Party B with relevant information and documents with regards to the Scope of work as reasonably requested by Party B;

1. Cam kết nỗ lực tối đa để thúc đẩy Bên Bán và Công Ty Mục Tiêu phối hợp với Bên B ở mức cao nhất và cung cấp tài liệu đầy đủ, chính xác nhất trong quá trình Bên B triển khai Hợp đồng;

Commit reasonable efforts to ensure the highest level of coordination and the most accurate information from Seller and Target Company to Party B during the Agreement execution process;

1. Bảo đảm, theo hiểu biết tốt nhất của Bên A, về tính xác thực của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bên B để thực hiện các công việc của Hợp đồng này. Bên B không chịu trách nhiệm về những thiệt hại và/hoặc các sai sót trong quá trình thực hiện các công việc của Hợp đồng do Bên A cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ và/hoặc thông tin, tài liệu bị che dấu, bị đánh tráo, bị làm giả của Bên A và/hoặc do nhân viên của Bên A và/hoặc Bên Bán và/hoặc Công Ty Mục Tiêu gây ra;

Ensure, to the best knowledge of Party A, the validity of information, documents provided to Party B to execute tasks in this Agreement. Party B shall not be held responsible for damages and/or faults caused by the inaccurate, insufficient information and/or the information, documents which are concealed, replaced, or counterfeited provided by Party A and/or employees of Party A and/or Seller and/or Target Company during the execution of this Agreement;

1. Cử người đại diện Bên A (làm đầu mối) để hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các công việc nêu tại Hợp đồng này;

Appoint a representative from Party A (as a contact person) to assist resolving enquiries, obstacles during the execution process of tasks mentioned in this Agreement;

1. Đảm bảo, theo hiểu biết tốt nhất của Bên A, và cam kết rằng Bên A đã tuân thủ các quy định hiện hành và có được các chấp thuận cần thiết đối với mọi hoạt động của mình liên quan đến nội dung của Hợp đồng;

To the best knowledge of Party A, guarantee and commit that Party A follows all regulations and obtain all neccesary permits governing activities related to this Agreement’s content;

1. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này khi Bên B không thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng dù có dẫn tới thiệt hại cho Bên A hay không. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ bồi thường các khoản thiệt hại thực tế cho Bên A trong vòng […] ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện vi phạm miễn là Bên A đã có văn bản thông báo gửi Bên B, số tiền bồi thường không vượt quá số tiền thực tế Bên A đã thanh toán cho Bên B, ngoại trừ trường hợp do sự bất cẩn nghiệm trọng hoặc hành vi sai trái có chủ ý của Bên B;

Reserve the right to unilaterally terminate this Agreement when Party B does not correctly execute articles of this Agreement regardless of leading to loss or damage of Party A. In this case, Party B is obligated to compensate Party A for actual damages or loss suffered within […] working days from the occurrence of the violated event as long as the Party A sends a notice in writing to Party B. The compensation amount is not to exceed the actual amount that Party A has paid Party B, except for willful misconduct or gross negligence of Party B;

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn phí dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này.

Be accountable for full and timely payment to Party B in accordance with Article 6 of this Agreement.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

**Article 5. Rights and obligations of Party B**

1. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Bên B nêu tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng;

Request Party A to provide necessary files, documents and information in an efficient and timely manner so as Party B is able to carry out its scope of work as stated in Article 2 and 3 of this Agreement;

1. Được hưởng phí dịch vụ quy định tại Điều 6 Hợp đồng này;

Receive service fee stated in Article 6 of this Agreement;

1. Cam kết sẽ giữ bí mật và không tiết lộ bất cứ tài liệu, thông tin mà Bên A cung cấp theo Hợp đồng này cho bên thứ ba trừ trường hợp: (i) Việc tiết lộ thực hiện theo quy định tại Điều 7, hoặc (ii) Bên A đồng ý bằng văn bản hoặc (iii) theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc (iv) nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên B;

Keep confidential and commit to not revealing any information in any form provided by Party A according to this Agreement to any third party, except for the following: (i) The revealing activity is in accordance with Article 7, or (ii) Party A agrees in writing or (iii) as requested by State authorities, or (iv) beyond the control of Party B;

1. Hoàn thành các công việc theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

Complete scope of work stated in Article 3 of this Agreement

1. Cam kết không chuyển giao một phần quyền hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bên thứ ba, ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác;

Commit to not transferring any portion of Party B’s scope of work to a third party, except in such case where both Parties agree otherwise;

1. Không chịu trách nhiệm về việc chậm trễ thực hiện công việc nêu tại Điều 3 của Hợp đồng do việc Bên A chậm cung cấp các thông tin, tài liệu hoặc các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc thực hiện các công việc của Bên B;

Not responsible for late execution of tasks stipulated in Article 3 of this Agreement due to Party A’s late provision of information, document or necessary conditions as reasonably requested by Party B;

1. Có quyền tạm dừng thực hiện các công việc của Hợp đồng này khi: (i) Bên Bán không hoàn tất được thủ tục xin phê duyệt của cấp có thẩm quyền của Công ty Mục Tiêu và/hoặc cơ quan quản lý về việc chấp thuận thực hiện Giao dịch (nếu áp dụng) trong thời gian hợp lý; (ii) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; hoặc (iii) Xảy ra sự cố bất khả kháng theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Trong các trường hợp này, Bên A không có quyền yêu cầu Bên B bồi thường bất kỳ khoản tiền nào do việc tạm dừng gây ra;

Uphold the right to temporarily halt the execution of this Agreement when and if: (i) Seller do not perform the necessary procedure to obtains approval from the appropriate authority of Target Company and/or the governmental authorities regarding the Transaction (if applicable) within reasonable and practical working days, (ii) at the request of relevant state authorities, or (iii) unforeseen events as defined in Clause 1 of Article 1 occur. In such cases, Party A is not entitled to demand Party B any kind of compensation as a result;

1. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này khi:

Maintain the right to unilaterally terminate this Agreement when and if:

* Bên A không thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng hoặc không khắc phục các vi phạm đó trong thời gian hợp lý sau khi đã được Bên B yêu cầu. Trong trường hợp này, Bên A có nghĩa vụ thanh toán cho Bên B các khoản phí trên khối lượng công việc thực tế đã thực hiện theo thỏa thuận giữa Hai Bên;

Party A does not follow the terms and conditions of this Agreement nor rectify such violation within reasonable and practical working days despite the notice to correct by Party B. In such event, Party A is obligated to pay Party B the fee for the actual executed workload according to the mutual agreement;

1. Ngoại trừ trường hợp do sự bất cẩn nghiệm trọng hoặc hành vi sai trái có chủ ý của Bên B, không có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại của bất kỳ bên thứ ba nào và/hoặc các vấn đề phát sinh khác trong trường hợp Hồ sơ và các thông tin đã được các bên thống nhất bị thay đổi do quyết định của Bên A, Bên Bán và/hoặc cơ quan có thẩm quyền khác;

Except for willful misconduct and gross negligence by Party B, not responsible for any complaints from any third party and/or other arising issues as a result of changes made by Party A, Seller and/or relevant authorities with regards to information and documents upon which had been mutually agreed by both Parties;

1. Bên B chịu trách nhiệm về nội dung và kết quả tư vấn trong Nội dung công việc theo đúng quy định tại Hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

Party B is responsible for the content and results of the advisory service included in Scope of work according to the covenants in this Agreement and relevant regulations.

**Điều 6. Phí dịch vụ và phương thức thanh toán**

**Article 6. Service fee and payment method**

1. Phí dịch vụ:

Service fee:

* 1. Khoản phí dịch vụ của Bên B cho các công việc nêu tại Điều 3 Hợp đồng này là:

Service fee of Party B for tasks mentioned in Article 3 of this Agreement is:

| **STT/**  **No.** | **Dịch vụ/**  **Services** | **Mức phí/**  **Fee** |
| --- | --- | --- |
| **1** | Các dịch vụ nêu tại Mục 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 và 1.6 Khoản 1 Điều 3 Hợp đồng này/ The services listed in Items 1.1, 1.3, 1.4, 1.5 and 1.6 of Clause 1 of Article 3 of this Agreement | 0,25% (không phẩy hai mươi lăm phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công nhưng không thấp hơn mức Phí tối thiểu là […] ([…] đồng)/ 0.25% (zero point twenty five percent) over the total successful transaction value of the Transaction but not lower than the Minimum fee of VND […] ([…] dong) |
| **2** | Dịch vụ nêu tại Mục 1.2 Điều 3 Hợp đồng này/ The services listed in Item 1.2 of Clause 1 of Article 3 of this Agreement | 0,05% (không phẩy không năm phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công nhưng không thấp hơn mức tối thiểu là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng)/ 0.05% (zero point zero five percent) over the total successful transaction value of the Transaction but not lower than the minimum of VND 230,000,000 (two hundred and thirty million dong) |

* 1. Phí giao dịch chứng khoán:

Securities trading fee is:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức giao dịch/**  **Method of transaction** | **Phí/**  **Fee** |
| Giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán/ Transaction on public stock exchange | 0.15% (không phẩy mười lăm phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công/ 0.15% (zero point fifteen percent) over the total successful transaction value of the Transaction |
| Giao dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán/ Transaction out of public stock exchange | 0.05% (không phẩy không năm phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công/ 0.05% (zero point zero five percent) over the total successful transaction value of the Transaction |

* 1. Phí dịch vụ theo Hợp đồng này là mức phí cho các dịch vụ Bên B trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp cho Bên A (và các công ty con, công ty liên kết của Bên A) kể từ ngày ký kết hợp đồng cho đến khi giao dịch mua cổ phần của Bên A kết thúc hoặc chấm dứt trước hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Hợp đồng này.

The payment is the fee for services which Party B directly or indirectly provides to Party A (including its subsidiaries and affiliates) as from signing date of this Agreement until the Transaction is completed or terminated as stipulated in Clause 2 of Article 8 under this Agreeement.

* 1. Khoản phí dịch vụ nêu tại Mục 1.1 và 1.2 Khoản này chưa bao gồm:

The Service fee listed in Clause 1.1 and 1.2 of this Clause excludes:

* Thuế giá trị gia tăng, các loại thuế và lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Value added tax, other taxes and tariffs as required by Vietnam law.

* Chi phí phải thanh toán cho bên thứ ba và phí nộp cho các cơ quản quản lý có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1.5 Điều này.

Expenses for third party and the fee paid to relevant state authorities as set in Clause 1.5 of this Article.

* Các chi phí phát sinh thêm ngoài Phạm vi công việc được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

“Out of pocket” expenses reasonably incurred, subject to the prior approval in writing of Party A.

* 1. Chi phí phải thanh toán cho bên thứ ba và phí nộp cho các cơ quản quản lý có thẩm quyền, theo quy định, có thể bao gồm các phí sau:

Expenses for third party and the fee paid to relevant state authorities, according to regulations, may include the following:

* Phí nộp cho cơ quan quản lý/ Fee payable to the governmental authorities:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cơ quan quản lý/  Authorities | Phí/  Fee | |
| Sở Giao dịch chứng khoán / Stock Exchange | Phí giao dịch (Giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán)/ Exchange transaction fee (for transaction of listed stock on public stock exchange) | 0.03% (không phẩy không ba phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công/ 0.03% (zero point zero three percent) over the total successful transaction value of the Transaction |
| Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam/ Vietnam Securities Depository | Phí giao dịch (Giao dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán)/ VSD transaction fee (for transaction of listed stock off public stock exchange approved by SSC) | 0.10% (không phẩy một phần trăm) trên tổng giá trị giao dịch thành công/0.10% (zero point one percent) over the total successful transaction value of the Transaction |
| Phí lưu ký/ VSD custodian fee | 0,4 đồng/cổ phiếu/tháng/ VND 0.4/share/month |

* Phí phong tỏa tài khoản ký quỹ trả VCB: 0,44bps (không phẩy bốn bốn điểm phần trăm) trên tổng giá trị tiền được phong tỏa đối với khoản phong tỏa dưới sáu (06) tháng và miễn phí đối với khoản phong tỏa trên sáu (06) tháng.

VCB escrow account fee: 0.44bps (zero point fortyfour basis point) over total escrow amount for escrow period of under six (06) months and free for escrow period of over six (06) months.

*Chú ý: Các phí nộp các cơ quan quản lý có thẩm quyền có thể thay đổi theo thông báo của cơ quan quản lý có thẩm quyền và Bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản phí phát sinh có liên quan.*

*Note: Fee paid to relevant state authorities may change according to announcement from authorities and Party A is responsible for the payment of any additional amount as a result of such change.*

1. Điều kiện thanh toán:

Payment conditions:

Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ phí dịch vụ nêu tại Khoản 1 Điều 6 trong vòng […] ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đề nghị thanh toán do Bên B phát hành. Bên B có quyền gửi Đề nghị thanh toán cho Bên A khi:

Party A pays in full to Party B the total amount of Service fee stipulated in Clause 1 of Article 6 within […] working days from receipt of the written request issued by Party B. Party B may send such written request for payment to Party A when:

* 1. Bên B hoàn tất các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng này; hoặc

Party B completes the Scope work as set in Clause 2 of Article 3 of this Agreement; or

* 1. Bên A thông báo cho Bên B qua email của Đại diện được ủy quyền hoặc công văn về việc hủy thực hiện giao dịch với Bên Bán. Trong trường hợp này, Bên A sẽ trả cho Bên B mức phí tối thiểu của các Nội dung công việc như đã quy định tại Mục 1.1 Khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này.

Party A notifies Party B in writing via email sent by Authorized Personnel or airmail about transaction cancelation with the Seller. In this case, Party A will pay to Party B the minimum service fee for the Scope of work completed by Party B as set in Item 1.1 of Clause 1 of Article 6 of this Agreement.

1. Tài khoản thanh toán:

Payment account:

Bên A thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, cụ thể như sau:

Party A makes payment via bank transfer to bank account of Party B, as follows:

* Tên tài khoản: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Account name: Vietcombank Securities Company Limited

* Tài khoản số: 0681000007952

Account No.: 0681000007952

* Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính

Opened at: Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Headquarter

1. Quy định khác:

Other terms:

* 1. Bên A phải thanh toán cho Bên B toàn bộ các phí phát sinh từ bên thứ ba liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Bên A (nếu có), như đã nêu tại Mục 1.5 Khoản 1 Điều 6 của Hợp đồng này, ngay khi nhận được yêu cầu và chỉ dẫn của Bên B. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về việc chậm trễ trong giao dịch do Bên A chậm thanh toán các loại phí trên theo yêu cầu.

Party A pays in full to Party B all third-party fees associated with Party A’s transaction(s) (if applicable), as listed in Item 1.5 of Clause 1 of Article 6 of this Agreeement, as soon as requested and instructed by Party B. Party B will not be held accountable for any delays caused by delayed payment of the aforementioned fees by Party A.

* 1. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A và Bên A sẽ thanh toán các khoản phí phát sinh hợp lý được Bên A chấp thuận bằng văn bản.

Party B is responsible for informing in advance to Party A and Party A shall make payment for “out of pocket” expenses reasonably incurred which was approved in writing.

* 1. Bên B có trách nhiệm gửi hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

Party B is responsible for sending valid financial invoice to Party A.

* 1. Ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng, nếu Bên A chậm thanh toán cho Bên B không được sự đồng ý của Bên B thì Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn, được tính theo tỷ lệ, bằng […]% lãi suất […] của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam áp dụng tại thời điểm hết hạn thanh toán trên tổng số tiền mà Bên A chậm thanh toán. Thời gian chậm thanh toán không được vượt quá […] ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán.

Except for unforseen events, if Party A delays payment to Party B for any reason that is not accepted by Party B, Party A is obligated to bear the overdue debt interest rates calculated on a prorated basis by equivalent to […]% of […] loan rate of Vietcombank applied at the payment deadline over the total money value accrued by Party A. Payment delay period is not to exceed […] days as from payment deadline.

**Điều 7. Bảo mật thông tin**

**Article 7. Confidentiality**

1. Mỗi bên (“**Bên Tiếp nhận**”) sẽ giữ tất cả các Thông tin nhận được từ Bên kia (“**Bên Tiết lộ**”), một cách bảo mật tuyệt đối và không được tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Tiết lộ (trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này).

Each Party (“**Receiving Party**”) would keep all the information in any form that is received from the other Party (“**Providing Party**”), to the top confidentiality and would not disclose to a third party without written consent of the Providing Party (except for cases prescribed in Clause 3 of this Article).

1. Nhằm thực hiện các công việc nêu trong Điều 3 của Hợp đồng này, Các Bên có quyền tiết lộ Thông tin cho các đối tượng sau khi cần:

In order to execute the work stipulated in Article 3 of this Agreement, the Parties may disclose the information received to the following on a need-to-know basis:

* Các cán bộ và nhân viên liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi, các giám đốc và cán bộ) hoặc cổ đông, chủ sở hữu của Các Bên;

Employees (including, but not limited to, directors and officers) or owners, investors of the Parties;

* Những người cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp được mỗi Bên sử dụng.

Professional service providers used by the Parties.

1. Các nghĩa vụ bảo mật thông tin trên đây sẽ được loại trừ với những Thông tin mà Bên Tiếp nhận chứng minh được trong các trường hợp dưới đây:

The above confidentiality obligations do not apply to the Information that Receiving Party can prove to belong to one of the following cases:

* Thông tin đã được công khai tại thời điểm tiết lộ hoặc sau đó đã được công khai mà không phải do lỗi của Bên Tiếp nhận Thông tin, hoặc;

The information has been publicized at the time of disclosure or publicized after the time of disclosure not due to the Receiving Party’s fault;

* Có bằng chứng chứng minh rằng Bên Tiếp nhận Thông tin đã biết tới Thông tin trước khi Bên Tiết lộ tiết lộ Thông tin; hoặc

There is evidence to prove that the Information has been known by the Receiving Party before the Providing Party discloses such information; or

* Thông tin đã được một bên thứ ba hoặc độc lập cung cấp cho Bên Tiếp nhận Thông tin mà bên này có được Thông tin đó không phải lấy từ Bên Tiết lộ Thông tin một cách trực tiếp và bên thứ ba đó được phép tiết lộ Thông tin một cách hợp pháp hoặc gián tiếp; hoặc

The Information has been provided to the Receiving Party independently or by a third party, who does not gain access to the Information directly or indirectly from the Providing Party as long as and such third party is legally free to disclose such Information; or

* Được yêu cầu phải tiết lộ theo quy định của pháp luật, lệnh của toà án, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc theo quyết định của các cơ quan tư pháp, cơ quan chính phủ hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền khác.

Where, each Party is requested by the law, court’s jurisdiction, relevant authorities, or in accordance with legal authorities, government authorities or other regulators to disclose the Information.

**Điều 8. Sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng**

**Article 8. Agreement Adjustment and Termination**

1. Hợp đồng này chỉ có thể được sửa đổi hoặc hủy bỏ theo thoả thuận bằng văn bản giữa các bên;

Any term of this Agreement may be amended or waived only with the written consent of the parties;

1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

This Agreement will be terminated in either of the following cases:

* Các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng này, bao gồm nghĩa vụ thanh toán các khoản phí theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;

The Parties complete their obligations stipulated in this Agreement, including payment of fees as stipulated in Article 6 of this Agreement;

* Các Bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp này, hai Bên sẽ thoả thuận về các điều kiện, điều khoản cụ thể và tiến hành thanh lý theo khối lượng công việc đã thực hiện;

The Parties agreed to terminate the Agreement before completion. In this case, the Parties shall discuss the terms and conditions in order to close out the Agreement based on the actual workload completed by Party B.

* Một trong các Bên bị phá sản, giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Either Party is bankrupt, closed or liquidated in according to the decision of state authorities;

* Hợp Đồng này có thể được chấm dứt bởi một trong các Bên nếu một Bên vi phạm nghiêm trọng (đến mức không thể khắc phục) Hợp Đồng và Bên kia gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt bao gồm thông tin chi tiết về hành vi vi phạm.

This Agreement shall be terminated by either Party if one Party severely (to an unremediable extent) violates the Agreement and the other Party sends a written notice to the violating Party to announce early termination, which consists of detailed information of the violation;

* Theo quy định tại Khoản 8 Điều 4, Khoản 8 Điều 5 và Điều 10 Hợp đồng này.

According to the terms and conditions set in Clause 8 of Article 4, Clause 8 of Article 5, and Article 10 in this Agreement.

**Điều 9. Giải quyết tranh chấp**

**Article 9. Dispute Resolution**

Hợp Đồng này và tất cả các khía cạnh của Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích theo luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

This Agreement and all aspects of this Agreement shall be governed by and will be construed in accordance with the Law of Socialist Republic of Vietnam.

Bất cứ tranh chấp, bất đồng, khiếu kiện hoặc mâu thuẫn nào phát sinh hoặc liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên sẽ được Các Bên nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần thiện chí trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên nhận được văn bản thông báo bằng thư bảo đảm từ Bên còn lại. Nếu hết Thời gian hòa giải mà Tranh chấp vẫn chưa được giải quyết, thì bất cứ Bên nào cũng có thể đệ trình Tranh chấp lên trọng tài tại Việt Nam để chịu sự phân xử duy nhất trước Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (“**VIAC**”) để giải quyết theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC được áp dụng tại thời điểm nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, có thể được sửa đổi theo các nội dung còn lại của mục này. Số lượng Trọng tài viên là một (01) do Chủ tịch VIAC chỉ định, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài và các phán quyết bằng văn bản hoặc các thư từ trao đổi sẽ là tiếng Việt. Phán quyết của trọng tài là chung thẩm và mang tính rằng buộc với cả hai Bên.

Any dispute, controversy, claim or difference of any kind whatsoever arising out of or in connection with this Agreement shall first be attempted to be resolved by discussions and consultations among the Parties in good faith for a period of thirty (30) days after receipt of a written notice which a Party has sent by registered mail to the other Party. If the dispute remains unresolved upon expiration of suchconsultation period, then any Party may submit the dispute exclusively to arbitration in Vietnam before the Vietnam International Arbitration Centre attached to Vietnam Chamber of Commerce and Industry (“**VIAC**”) which shall be conducted in accordance with VIAC Rules in effect at the time the application for arbitration is made, as may be amended by the rest of this section. The number of referee is one (01) and is selected by the Charman of VIAC, language of the arbitration proceedings and written decisions or correspondence shall be Vietnamese. The award of the arbitrators shall be final and binding on the Parties.

**Điều 10. Điều khoản liêm chính**

**Article 10. Anti-Bribery**

Theo các điều khoản của Hợp đồng này (gồm cả khi gia hạn), Bên B sẽ (i) không trực tiếp hay gián tiếp chi trả hoặc đề nghị hoặc hứa chi trả bất kỳ khoản hối lộ (“Hối Lộ”) cho một nhân viên chính phủ (bao gồm nhân viên người nước ngoài và cá nhân được coi là nhân viên chính phủ theo luật), cá nhân có liên quan đến một đảng phái chính trị, hoặc ứng viên của một vị trí công chúng, (ii) không tham gia vào Hối Lộ ngay cả đối với các công dân không phải là nhân viên chính phủ qua cách thức mời tham gia các hoạt động giải trí hoặc đưa quà tặng được coi là không phù hợp theo thông lệ kinh doanh, (iii) thiết lập và duy trì quy trình tuân thủ phù hợp để bảo đảm ban lãnh đạo hoặc nhân viên không tham gia vào các hoạt động Hối Lộ, và (iv) theo đề nghị của Bên A, tiết lộ thông tin có liên quan đến việc nghi ngờ có Hối Lộ và cung cấp các sổ sách kế toán khác cho Bên A và cho phép kiểm toán của Bên A và nếu cần thiết, hợp tác với các cơ quan Nhà nước liên quan. Bất kỳ hành vi nào của Bên B được Các bên hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào khác xác định đã vi phạm các nghĩa vụ theo điều khoản này, Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức mà không cần phải báo trước.

During the term of this Agreement (as may be extended), Party B shall (i) not, directly or indirectly, make payment or offer or promise to make payment of any bribe, (“Corruption”) to a governmental official (including a foreign official and a person deemed to be a governmental official under the law), a person related to a political party, or a candidate for public post, (ii) not engage in Corruption even in terms of private citizens other than government officials through providing entertainments or gifts deemed inappropriate under business customs, (iii) establish and maintain an appropriate compliance procedure to prevent their management or employees from engaging in Corruption, and (iv) per Party A’s request, disclose information relevant to suspected Corruption and any other accounting books and records to Party A, and allow an audit by Party A, and if necessary, cooperate with State authorities. Any action conducted by Party B leading to violation of this clause that is identified by Parties or any other authorized entities, Party A may terminate this Agreement immediately without any prior notice.

**Điều 11. Hiệu lực và số bản của Hợp đồng**

**Article 11. Validity and The number of Agreement Copies**

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

This Agreement is valid from the signing date.

1. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt, mỗi Bên giữ hai (02) bản. Trong trường hợp có mẫu thuẫn về nghĩa, bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

This Agreement has been made in four (04) copies which is bilingual in Vienamese and English, each Party keeps two (02) copies. If there is any difference in interpretation, the Vietnamese version shall prevail.

Hợp đồng này được ký kết ngày […] tháng […] năm 20[…].

**IN WITNESS WHEREOF**, the undersigned have executed this Agreement as of [………………………………], 20[…].

|  |  |
| --- | --- |
| **Party A** | **Party B** |
| **By: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_­**  **Name: […]**  **Title: […]** | **By: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Name: Mr. Le Manh Hung**  **Title: CEO** |

**Phụ lục 1: Đại diện được ủy quyền**

**Annex 1: Authorized Personnel**

1. **Bên A/ *Party A***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  ***No.*** | **Tên và tên**  ***Full name*** | **Chức vụ**  ***Title*** | **Số điện thoại**  ***Phone No.*** | **Số fax**  **Fax No.** | **Thư điện tử**  ***Email*** |
| 1 | […] | […] | […] | […] | […] |
| 2 | […] | […] | […] | […] | […] |
| 3 | […] | […] | […] | […] | […] |

1. **Bên B/ *Party B***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  ***No.*** | **Tên và tên**  ***Full name*** | **Chức vụ**  ***Title*** | **Số điện thoại**  ***Phone No.*** | **Số fax**  **Fax No.** | **Thư điện tử**  ***Email*** |
| 1 | […] | […] | […] | […] | […] |
| 2 | […] | […] | […] | […] | […] |
| 3 | […] | […] | […] | […] | […] |